

Bản án số: 19 /2021/HC-ST  
Ngày 29 tháng 9 năm 2021  
“V/v khiếu kiện yêu cầu  
hủy văn bản hành chính”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trường Sơn;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Phạm

Ông Nguyễn Ngọc T

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:20/2021/TLST-HC ngày 16/8/2021 về việc “khiếu kiện hủy văn bản hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:17/2021/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện:*** Ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1949

Địa chỉ: Khu 22, xã H, huyện T, tỉnh P (có mặt);

***2. Người bị kiện:*** Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh P - Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Công T - Phó giám đốc Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh P (Văn bản ủy quyền số 2154/SLĐTBXH-NCC ngày 31/8/2021 - xin xét xử vắng mặt);

***3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Thanh tra Bộ lao động - Thương binh và Xã hội - Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đăng T - Trưởng phòng Thanh tra chính sách người có công - Thanh tra Bộ lao động Thương binh và xã hội (Giấy ủy quyền số 03/GUQ-TTr ngày 15/9/2021 – xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Người khởi kiện trình bày:** Ngày 13/5/1972 ông nhập ngũ, ngày 06/8/1972 vào Nam chiến đấu. Trong thời gian này khi ông tham gia chiến đấu ông đã bị thương bả vai. Năm 1973 ông được đơn vị cho đi học lớp hạ sĩ và được làm tiểu đội trưởng. Năm 1974 ông tham gia chiến đấu và tiếp tục bị thương phần đùi, mông. Nay mảnh kim khí vẫn còn trong cơ thể. Năm 1976 ông xuất ngũ trở về địa phương. Ngày 20/3/2002 ông được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận thương binh số k2/AQ 52192CM-1636, tỉ lệ thương tật 21% và thương tật hạng 4. Nhưng Quyết định số 11/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/6/2012 Sở lao động thương binh xã hội tỉnh P tạm dừng trợ cấp thương binh đối với ông, với lý do giấy tờ có nghi vấn tẩy xóa nội dung cũ, viết lại nội dung mới (BL 86). Kể từ khi ban hành quyết định trên chế độ thương binh của ông đều bị đình chỉ. Ông đã làm đơn gửi đi các cơ quan nhưng không được giải quyết. Ngày 21/10/2019 ông nhận được văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh P về việc giải quyết đơn ông (BL 93). Nội dung của văn bản cho rằng hồ sơ của ông có sự tẩy xóa và sửa nên ông không được xem xét khôi phục lại chế độ. Ông cho là một kết luận sai trái vì: Ông đã cung cấp một bộ hồ sơ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật để hưởng chế độ thương binh gồm Giấy chứng nhận bị thương, biên bản giám định thương tật của Hội đồng y khoa, Quyết định phục viên số 173 ngày 31/12/1997 và một số giấy tờ liên quan khác. Toàn bộ hồ sơ của ông đều được cơ quan có thẩm quyền cấp, thời điểm chiến tranh và chiến tranh mới kết thúc nên việc lưu giữ và bảo quản hồ sơ vẫn còn sơ sài, có những sai sót là không thể tránh khỏi. Tên của ông là “Đỗ Trọng N” trên Giấy chứng nhận bị thương đề ngày 21/6/1976 là có sự nhầm lẫn. Việc này ông không biết, lỗi này không phải do ông. Ngoài ra tên đơn vị công tác trên Giấy chứng nhận bị thương ghi “C7 D8 E3” còn trên Quyết định phục viên ghi “C7 D8 E8”. Nhìn cảm quan có thể thấy số 8 bị phai mờ nhìn giống số 3 hoặc số 3 thiếu nét nhìn giống số 8. Ông không là người viết nên việc sai sót nhầm lẫn này là do khách quan. Cứ cho rằng có sự nhầm lẫn nhưng không thể làm mất những vết thương còn trên người ông. Mặc dù trên giấy chứng nhận bị thương và quyết định phục viên tuy có những lỗi sai về chính tả nhưng các thông tin khác về ông không có gì sai. Tên và địa chỉ của ông trùng khớp với các giấy tờ nhân thân khác. Trên sổ quân nhân phục viên chuyển ngành, trên lý lịch quân nhân và các giấy tờ khác đều khẳng định ông nhập ngũ tháng 5 năm 1972, ông tham gia phục vụ trong quân đội... Vì vậy việc Sở LĐTBXH tỉnh P dừng trợ cấp với ông là sai trái.

Tháng 7 năm 2015 ông nhận được văn bản số 564/BTL-CCT ngày 31/7/2015 của Bộ tư lệnh quân khu 2 về việc đề nghị tiếp tục chi trả chế độ ưu đãi thương binh (BL 76). Ngày 02/11/2015 ông nhận được thông báo số 3114/PCT-BCS về việc tiếp

tục chi trả chế độ trợ cấp ưu đãi thương binh. Theo nội dung của thông báo thì ngày 13/8/2015 BCHQS tỉnh P có Công văn số 2365/BCH-PCT gửi SLĐTBXH tỉnh P về việc đề nghị tiếp tục chi trả chế độ trợ cấp ưu đãi thương binh đối với số 323 trường hợp (có danh sách kèm theo). Theo kết luận giám định y khoa ông có 1 dị vật cản quang ở đoạn 1/3 trên xương đùi phải. Như vậy, qua quá trình giám định vết thương và thẩm định lại hồ sơ ông đủ điều kiện để được khôi phục chế độ trợ cấp ưu đãi. Nhưng từ khi nhận được thông báo đến nay là 05 năm ông không nhận được thông tin gì về việc chi trả trợ cấp. Từ năm 2015 sau khi hồ sơ của ông được thẩm định lại và vết thương được giám định lại thì BCHQS tỉnh P đã có văn bản đồng ý tiếp tục chi trả trợ cấp cho ông. Sở LĐTB và XH không tiến hành chi trả cho ông là không đúng quy định của pháp luật. Nay ông đề nghị huỷ Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh P về việc giải quyết đơn ông Đỗ Trọng N. Đề nghị được phục hồi lại chế độ thương binh cho ông (BL 92,93, 26 -29).

## **2. Người bị kiện trình bày:**

Căn cứ Kết luận thanh tra số 106/KL-TTr ngày 10/5/2012 của Chánh Thanh tra Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng tại tỉnh P, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh P đã ban hành Quyết định số 11/QĐ-LĐTBXH ngày 27/6/2012 về việc tạm dừng chế độ trợ cấp và các quyền lợi ưu đãi thương binh đối với ông Đỗ Trọng N kể từ ngày 01/7/2012, với lý do: Giấy tờ có nghi vấn tẩy xóa nội dung cũ, viết lại nội dung mới, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành trưng cầu Phòng Giám định - Kỹ Thuật hình sự, Bộ Quốc phòng giám định hình sự tài liệu gốc của 41 trường hợp. Sau khi có kết quả giám định, Thanh tra Bộ sẽ kiến nghị biện pháp xử lý đối với từng trường hợp cụ thể (tiết a, điểm 1.3.1, khoản 1.3, mục 1, phần II).

Ngày 15/11/2012 Thanh tra Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội có văn bản số 403/TTr-NCC kiến nghị biện pháp xử lý tiếp theo Kết luận thanh tra số 106/KL-TTr ngày 10/5/2012 của Chánh Thanh tra Bộ. Thanh tra Bộ kết luận sau khi giám định kỹ Thuật hình sự có 31 trường hợp giả mạo giấy tờ để hưởng chế độ thương binh. Kết quả giám định cụ thể đối với trường hợp của ông Đỗ Trọng N (STT 23, Biểu số 1) như sau:

“Kết quả giám định kỹ Thuật hình sự, chứng minh các dấu hiệu bất thường trên Giấy chứng nhận bị thương đề ngày 21/6/1976 và Quyết định phục viên số 173 đề ngày 31/12/1977 ghi cấp cho ông Đỗ Trọng N, khẳng định:

- Trên Giấy chứng nhận bị thương đề ngày 21/6/1976:

+ Tại mục ghi đồng chí **“Đỗ Trọng N”** ở dòng 3 có sự tô viết lại từ chữ **“Đỗ Trọng Nhân”**.

+ Phần tổ chức giấy ở lề trái gần mục “các vết thương” và tại góc dưới bên trái bị **tẩy xóa và xé rách mất thông tin**.

- Trên Quyết định phục viên số 173 đề ngày 31/12/1977:

+ Tại mục nay chuẩn y cho đồng chí **“Đỗ Trọng N”** ở dòng 2 được sửa từ chữ **“Đỗ Trọng Nhân”**.

+ Tại điều 2 còn ghi đơn vị đã giải quyết mọi quyền lợi **“Phục viên” cho đồng chí “Nhân”**.

+ Tại điều 3 ghi những người chịu trách nhiệm thi hành có ghi **“đ/c Nhân”**.

- Tên đơn vị công tác trên Giấy chứng nhận bị thương ghi **“C7 D8 E3”**, trên Quyết định phục viên ghi **“C7 D8 E8”**.

Đồng thời đề nghị Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh P ban hành Quyết định đình chỉ trợ cấp và T hời số tiền đã hưởng sai quy định.

Ngày 07/10/2019, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được Văn bản số 696/VP-KGVX của Văn phòng UBND tỉnh về việc chuyển đơn ông Đỗ Trọng N, nội dung đơn: Đề nghị xem xét, khôi phục chế độ thương binh.

Căn cứ Kết luận thanh tra số 106/KL-TTr ngày 10/5/2012, Văn bản số 403/TTr-NCC ngày 15/11/2012 của Thanh tra Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội, Văn bản số 5360/TB-LĐTBXH ngày 21/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo Kết luận Hội nghị tổng kết chương trình phối hợp thanh tra việc xác nhận hồ sơ thương binh giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có công văn số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 trả lời ông N theo nội dung kết luận của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đồng thời hướng dẫn ông N nếu bổ sung được hồ sơ, tài liệu gốc có ghi bị thương, đảm bảo tính pháp lý, đề nghị ông liên hệ với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh P để được hướng dẫn lập hồ sơ mới theo quy định. Hiện nay ông N chưa bổ sung được hồ sơ, tài liệu gốc có ghi bị thương, đảm bảo tính pháp lý.

Ngày 22/11/2019, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục nhận được đơn đề nghị khôi phục chế độ thương binh của ông Đỗ Trọng N do Văn phòng UBND tỉnh chuyển đến tại Văn bản số 873/VP-KGVX. Sau khi nghiên cứu đơn có nội dung: Ông N kiến nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện việc khôi phục chế độ thương binh đối với ông theo Công văn số 456/BTL-CCT ngày 31/7/2015 của Bộ Tư lệnh Quân khu 2 về việc đề nghị tiếp tục chi trả chế độ trợ cấp ưu đãi thương binh và Công văn số 3114/PCT-BCS ngày 02/11/2015 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh P về

việc đề nghị tiếp tục chi trả chế độ trợ cấp ưu đãi thương binh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 2580/SLĐTBXH-NCC ngày 19/12/2019 (Lưu trữ tại sở quản lý văn bản đi của Sở ghi ngày 19/12/2019, ghi trên văn bản giấy phát hành ngày 19/10/2019 do lỗi rà soát của nhân viên Văn thư cơ quan) chuyển đơn của ông Đỗ Trọng N đến Cục Chính trị - Quân khu 2 và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (cơ quan xác lập hồ sơ thương binh ban đầu) để trả lời, hướng dẫn ông Đỗ Trọng N theo các quy định tại Văn bản số 5360/TB-LĐTBXH ngày 21/12/2018 và Văn bản số 2699/LĐTBXH-TTr ngày 08/7/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội không thực hiện kiến nghị của Bộ Tư lệnh Quân khu 2 và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh P theo 02 văn bản nêu trên là do: Điểm b, khoản 2, mục II, Thông báo số 5360/TB-LĐTBXH ngày 21/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nêu rõ *“Đối với các hồ sơ được xác lập trên cơ sở giấy tờ gốc mà kết quả giám định kỹ Tật hình sự xác định tài liệu là khai man hoặc giả mạo nay bổ sung giấy tờ thì không xem xét việc khôi phục; Trường hợp bổ sung hồ sơ, tài liệu gốc có ghi bị thương đảm bảo tính pháp lý thì Bộ Chỉ huy quân sự các tỉnh, thành phố tổng hợp, thẩm định, nếu đủ điều kiện thì hướng dẫn lập hồ sơ mới theo quy định hiện hành”*. Đồng thời tại điểm 2.1, khoản 2, Văn bản số 2699/LĐTBXH-TTr ngày 08/7/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện kết luận thanh tra và văn bản kiến nghị xử lý tiếp theo có nội dung: *“Không nhất trí với kiến nghị của Bộ Tư lệnh Quân khu 2 về việc khôi phục chế độ thương binh đối với các trường hợp còn mảnh kim khí trong cơ thể, do không có cơ sở để xem xét”*. Do đó nội dung Văn bản số 564/BTL-CCT ngày 31/7/2015 của Bộ Tư lệnh Quân khu 2 về việc đề nghị tiếp tục chi trả chế độ trợ cấp ưu đãi thương binh chưa đảm bảo các căn cứ pháp lý theo quy định, vì Bộ Tư lệnh quân khu 2 là đơn vị xác lập hồ sơ, việc khôi phục chế độ đối với các trường hợp đã bị đình chỉ theo kết luận Thanh tra phải được sự đồng ý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Quốc phòng. Do vậy, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không có căn cứ để khôi phục chế độ đối với ông Đỗ Trọng N.

Vì vậy Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã trả lời và hướng dẫn ông Đỗ Trọng N chấp hành các quy định của Nhà nước về thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công, Kết luận số 106/KL-TTr ngày 10/5/2012, văn bản 403/TTr-NCC ngày 15/11/2012 của Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội là đúng thẩm quyền và quy định hiện hành.

### **3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Thanh tra Bộ lao động - Thương binh và Xã hội trình bày: Ông Đỗ Trọng N được cơ quan quân đội xác lập hồ sơ thương binh trên cơ sở Giấy chứng nhận bị

thương đề ngày 21/6/1976; Quyết định phục viên số 173 ngày 31/12/1977. Hai tài liệu gốc để chứng minh thời gian tham gia chiến đấu, bị thương để làm căn cứ lập hồ sơ, hưởng chế độ thương binh nhưng kết quả giám định kỹ Tật hình sự đã xác định tài liệu không đảm bảo tính pháp lý, cụ thể: Tại Thông báo số 42/TB-GĐKTHS ngày 23/7/2012, phòng giám định kỹ Tật hình sự - Bộ quốc phòng xác định kết quả giám định Giấy chứng nhận bị thương đề ngày 21/6/1976; Quyết định phục viên số 173 ngày 31/12/1977 của ông Đỗ Trọng N như sau:

- Giấy chứng nhận bị thương đề ngày 21/6/1976: Tại mục ghi đồng chí “Đỗ Trọng N” ở dòng 3 có sự tô viết lại từ chữ “Đỗ Trọng Nhân”; phần tổ chức giấy ở lề trái gần mục “các vết thương” và tại góc dưới bên trái bị tẩy xóa và xé rách mất thông tin.

- Quyết định phục viên số 173 đề ngày 31/12/1977: Tại mục nay chuẩn y cho đồng chí “Đỗ Trọng N” ở dòng 2 được sửa từ chữ “Đỗ Trọng Nhân”; tại điều 2 còn ghi đơn vị đã giải quyết mọi quyền lợi “Phục viên” cho đồng chí “Nhân” tại điều 3 ghi những người chịu trách nhiệm thi hành có ghi “đ/c Nhân”.

- Tên đơn vị công tác trên Giấy chứng nhận bị thương ghi “C7 D8 E3”, trên Quyết định phục viên ghi “C7 D8 E8”.

Vì vậy, tại Công văn số 403/TTr-NCC ngày 15/11/2012 về kiến nghị biện pháp xử lý tiếp theo Kết luận thanh tra số 106/KL-TTr ngày 10/5/2012, Chánh thanh tra Bộ LĐTĐBXH đã yêu cầu Giám đốc Sở LĐTĐBXH tỉnh P ban hành quyết định đình chỉ và T hủy chế độ thương binh đã hưởng sai đối với ông Đỗ Trọng N là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các thủ tục tố tụng hành chính. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị hội đồng xét xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đỗ trọng N, nếu ông xuất trình được các căn cứ tài liệu mới thì làm thủ tục, chế độ mới cho ông theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P, lời trình bày của đương sự.

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đỗ Trọng N khởi kiện hủy Văn bản số 1981/SLĐTĐBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở lao động thương binh và xã hội (BL

92, 93) trả lời đơn của ông Đỗ Trọng N không được xem xét khôi phục chế độ do đã có kết luận thanh tra của Bộ lao động thương binh và xã hội, nếu ông bổ sung được hồ sơ, tài liệu gốc, có tính pháp lý thì lập hồ sơ mới. Văn bản này có liên quan đến các văn bản khác như kết luận thanh tra, kết luận giám định... liên quan trực tiếp là Quyết định số 11/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/6/2012 của Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh P (BL 86) đã tạm dừng trợ cấp và các quyền lợi ưu đãi thương binh đối với ông N, ông cho là ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông, nên Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P theo Khoản 3 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính là phù hợp.

[2] Về nội dung: Yêu cầu hủy văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở lao động thương binh và xã hội. Hội đồng xét xử thấy:

\*Về hình thức văn bản: Công văn “giải quyết đơn” của ông Đỗ Trọng N đề nghị xem xét, khôi phục chế độ thương binh, do Giám đốc - Sở lao động thương binh và xã hội giải quyết là đúng thẩm quyền (**BL 92,93**).

\* Về nội dung công văn số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 nêu trên đã căn cứ:

- Kết luận thanh tra số 106/KL-TTr ngày 10/5/2012 của Chánh Thanh tra Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội.

- Công văn số 403/TTr-NCC ngày 15/11/2012 về kiến nghị biện pháp xử lý tiếp theo Kết luận thanh tra số 106/KL-TTr ngày 10/5/2012, Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH.

- Kết quả giám định của Bộ Quốc phòng giám định, xác định: Giấy chứng nhận bị thương ngày 21/6/1976; Quyết định phục viên số 173 ngày 31/12/1977 của ông Đỗ Trọng N.

- Quyết định số 11/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/6/2012 của Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh P tạm dừng trợ cấp và các quyền lợi ưu đãi thương binh đối với ông N.

+ Hội đồng xét xử thấy cần phải xem xét các vấn đề sau:

- Thứ nhất: Ông Đỗ Trọng N có đi tham gia kháng chiến chống Mỹ không ? có ông Nhân, sinh năm 1949 tham gia kháng chiến chống Mỹ ở xã Thanh Vân, huyện T, tỉnh Vĩnh Phú không ? có ông N, sinh năm 1949 tham gia kháng chiến chống Mỹ tại thời gian những năm 1972 ở xã Thanh Vân, huyện T không ? ở chiến trường nào ? có bị thương không ? bị thương ở vị trí nào trên cơ thể, căn cứ gì để xác định bị thương ? tỷ lệ thương tật như thế nào ? ...

+ Hội đồng xét xử thấy: Ông N xuất trình lý lịch quân nhân (bản chính), được đóng dấu xác nhận của tiểu đoàn, ghi tên thường dùng: Đỗ Trọng N; Họ tên khai sinh:

Đỗ Trọng N; nhập ngũ 13/5/1972, vào chiến trường 6/8/1972, **đơn vị C7 D8 E3 F324**; bố là Đỗ Văn Nghiễn, mẹ Nguyễn Thị Hân,...được lãnh đạo Đại đội và Tiểu đoàn ký xác nhận ngày 17/7/1976 (*nộp vào hồ sơ bản sao, bút lục 101- 111*).

+ Tại “Giấy chứng nhận huân chương” số 69/QĐ ngày 02/9/1975 chứng nhận đồng chí: Đỗ Trọng N, sinh năm 1949, **đơn vị C7 D8 E3 F324**, quê quán Thanh Vân, T, Vĩnh Phú được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba (**BL 120**).

+ “Kỷ niệm chương” của sư đoàn 324 tặng Đ/c Đỗ Trọng N, sinh năm 1949; đơn vụ: **Trung đoàn 3 – sư đoàn 324** Anh hùng (BL 117).

+ “Huy hiệu chiến dịch Hồ Chí Minh” tặng Đ/c Đỗ Trọng N (địa chỉ: Thanh Vân, T, P) sư đoàn 324 Anh hùng (BL 116).

+ “Giấy chứng minh quân đội nhân dân Việt Nam”: Họ tên Đỗ Trọng N, đơn vị **Trung đoàn 3** QĐ 2; quê quán: xã Thanh Vân, huyện T, tỉnh Vĩnh Phú, cấp ngày 09/6/1975 (BL 06).

+ Tại biên bản xác minh ngày 13/9/2021, UBND xã H, huyện T, tỉnh P (trước đây là xã Thanh Vân, huyện T, tỉnh Vĩnh Phú), cùng đại diện các tổ chức đoàn thể của xã (trước đây) đều xác định chỉ có ông Đỗ Trọng N – sinh năm 1949 đi bộ đội khoảng năm 1972 là đúng. Khoảng năm 1975 – 1976 ông N về địa phương sinh sống, có bố là Đỗ Văn Nghiễn, mẹ Nguyễn Thị Hân. Hai cụ trên không có người con nào tên là Đỗ Trọng Nhân – sinh năm 1949 đi bộ đội năm 1972 (BL 174, 175).

+ Tại “Giấy xác nhận” ngày 12/5/2020 Ủy ban nhân dân xã H (xã Thanh Vân cũ) đã xác nhận có ông Đỗ Trọng N – sinh năm 1949 nhập ngũ 13/5/1972; phục viên 31/12/1977. Thời gian đó xã Thanh Vân chỉ có ông Đỗ Trọng N nhập ngũ, **không có ai tên là Đỗ Trọng Nhân** (BL 01).

\* Với các căn cứ có tính pháp lý nêu trên đã có đủ cơ sở xác định: Có ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1949, địa chỉ: xã Thanh Vân, huyện T, tỉnh Vĩnh Phú (cũ), nhập ngũ 13/5/1972, ngày vào chiến trường 06/8/1972, **đơn vị C7 D8 E3 F324** là chính xác. Ông N chưa bao giờ có tên là Đỗ Trọng Nhân, trong lý lịch quân nhân đều thể hiện tên khai sinh và tên thường dùng đều có tên là Đỗ Trọng N. Do đó không thể yêu cầu Sở tư pháp xác định ông Nhân là ông N được. Tại “Giấy chứng minh quân đội nhân dân Việt Nam” ghi họ tên: Đỗ Trọng N; Đơn vị Trung đoàn 3 QĐ2; Nhận dạng: **Cao 1m55, dài tai phật, sẹo nhỏ trên đầu mày trái**, cấp ngày 09/6/1975 (BL 06). Tại “Giấy chứng minh nhân dân” ghi họ tên: Đỗ Trọng N, sinh năm 1949; dấu vết riêng, dị hình: **Sẹo chấm c 5cm trên trước đầu lông mày trái**, cấp ngày 02/7/2012 (BL 25). Như vậy họ tên, năm sinh, nguyên quán đều trùng khớp nhau, thậm chí đặc điểm dấu vết riêng trên cơ thể cũng trùng khớp. Điều quan trọng là tại xã Thanh Vân xác định: Ông Đỗ Trọng N – sinh năm 1949 (khu 3 xã Thanh Vân cũ) đi bộ đội khoảng năm

1972 là đúng. Khoảng năm 1975 – 1976 ông N về địa phương sinh sống, có bố là Đỗ Văn Nghiễn, mẹ Nguyễn Thị Hân, “*cụ Nghiễn, cụ Hân không có người con nào tên là Đỗ Trọng Nhân, sinh năm 1949 đi bộ đội khoảng năm 1972*” (BL 174,175).

+ Tại Quyết định phục viên số 173 ngày 31/12/1977: Tại mục nay chuẩn y cho đồng chí “Đỗ Trọng N” ở dòng 2 được sửa từ chữ “Đỗ Trọng **Nhân**”; tại điều 2 còn ghi đơn vị đã giải quyết mọi quyền lợi “Phục viên” cho đồng chí “**Nhân**”, tại điều 3 ghi những người chịu trách nhiệm thi hành có ghi “**đ/cNhân**”.

- Tên đơn vị công tác trên Giấy chứng nhận bị thương ghi “C7 D8 **E3**”, trên Quyết định phục viên ghi “C7 D8 **E8**”.

+ Với các căn cứ, đánh giá các tài liệu có tính pháp lý nêu trên cần xác định là có sự nhầm lẫn ghi sai tên của quân nhân “Đỗ Trọng N” lại ghi là “Đỗ Trọng **Nhân**”

- Tên đơn vị “**E3**” lại ghi sai là “**E8**” mà không phải lỗi của ông N gây ra và xác định **không phải là giả mạo** mà **do nhầm lẫn** của cán bộ làm chế độ chính sách cho ông N, nên không có lý do gì mà làm mất quyền lợi của ông được.

**\*Thứ hai: Đối với việc xác định vết thương:**

- Tại “Giấy chứng nhận bị thương” ngày 21/6/1976 ghi: Đồng chí: Đỗ Trọng N (nét tô đậm) – sinh năm 1949; Nguyên quán: Thanh Vân, T, Vĩnh Phú, có 3 vết thương: Vai phải, mông phải, chân phải, ngoài ra còn ghi: *sức ép pháo (kiểu chữ khác)*; Đơn vị : **C7 D8 E3** (tài liệu do phòng chính sách Quân khu 2 cung cấp - BL 178 ).

+ Tại “Giấy xác nhận bị thương” số 2036/ GXN-CT ngày 23/9/2021 do Sư đoàn 324 cung cấp, đã ghi: **đồng chí: Đỗ Trọng N – sinh năm 1949; nguyên quán: Thanh Vân, T, Vĩnh Phú; nhập ngũ tháng 5/1972; Đơn vị khi bị thương: c7 d8 e3 f324/ QK4; bị thương ngày 18/10/1972; Trường hợp bị thương: Chiến đấu điểm cao 551**. Được thể hiện trong quyển sổ số 18 “danh sách thương binh” của Trung đoàn 3, Sư đoàn 324, Đ/c Đỗ Trọng N ở số thứ tự 360 (BL 189,190).

+ **Như vậy** đã có đủ cơ sở để xác định có quân nhân Đỗ Trọng N – sinh năm 1949; nguyên quán: Thanh Vân, T, Vĩnh Phú; nhập ngũ tháng 5/1972; Đơn vị khi bị thương: **c7 d8 e3 f324 quân khu 4**; bị thương ngày 18/10/1972; Trường hợp bị thương: Chiến đấu điểm cao 551.

\* Tại công văn số 548/TTr-NCC ngày 14/9/2021 Bộ lao động – Thương binh và xã hội đã nêu: Tại “Thông báo” số 42/TB-GĐKTHS ngày 23/7/2012, phòng giám định kỹ Tật hình sự - Bộ quốc phòng xác định kết quả giám định:

- Tại “Giấy chứng nhận bị thương” ngày 21/6/1976: Tại mục ghi đồng chí “**Đỗ Trọng N**” ở dòng 3 có sự tô viết lại từ chữ “**Đỗ Trọng Nhân**”; phần tổ chức giấy ở lề trái

gắn mục “các vết thương” và tại góc dưới bên trái bị tẩy xóa và xé rách mất thông tin.

- Tại Biên bản giám định thương tật số 1789/GĐYK của Hội đồng giám định y khoa quân khu II ngày 21/01/2002 kết quả khám: *“vết thương chỗ mông phải sọc 1,5cm x 1cm, còn mảnh kim khí nằm trong xương đầu trên xương đùi phải gây đau và hạn chế vận động chân phải. Vết thương vai phải sọc 4cm x 3cm đã lấy mảnh, tổn thương một phần đám rối thần kinh cánh tay phải, ảnh hưởng vận động tay phải. Vết thương phần mềm cẳng chân phải sọc 1cm x 1cm còn đau rất khi thay đổi thời tiết”*. Ông Đỗ Trọng N được giám định tỷ lệ **thương tật là 21%** ( BL 185).

+ Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại “Giấy chứng nhận bị thương” ngày 21/6/1976 có việc viết tô đậm lại từ Nhân viết thành N, nhưng đã được phân tích, đánh giá ở phần trên là có sự **nhầm lẫn** tên nên có sự sửa chữa cho đúng tên của ông N chứ không **phải là gian dối, không phải là giả mạo**, cũng không rõ ai là người sửa chữa không đúng thủ tục, còn bản chất không có gì thay đổi, cần được xác định tên trong “Giấy chứng nhận bị thương” ngày 21/6/1976 mang tên ông Đỗ Trọng N là đúng.

+ Còn về phần các vết thương. Theo kết luận giám định: *“... Phân tổ chức giấy ở lề trái gần mục “các vết thương và tại góc dưới bên trái bị tẩy xóa và xé rách mất thông tin”*. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại “Giấy chứng nhận bị thương” ngày 21/6/1976: Tại phần các vết thương vẫn thể hiện có 3 vết thương: **“Vai phải - mông phải - chân phải”**. Tại kết luận giám định không nêu bị *tẩy xóa và xé rách mất thông tin về ba vết thương này*.

+ Tại Giấy chứng nhận bị thương số 138/GCNBT ngày 20/3/2001 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh P đã xác nhận ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1949, đơn vị khi bị thương C7 D8 E3 ba vết thương: **bả vai, mông phải, vai phải**; cấp theo GCN thương binh ngày 21/6/1976. ( BL 181 ).

+ Tại “Biên bản giám định thương tật” số 1789/GĐYK ngày 21/01/2002 hội đồng giám định y khoa quân khu II đã giám định **3 vết thương: “Vai phải - chân phải - mông phải (vẫn còn mảnh kim khí nằm trên đầu xương đùi phải gây đau và hạn chế vận động chân phải”**, tỷ lệ thương tật 21 %. *Như vậy các vết thương này không có gì bất thường, không bị kết luận là tẩy xóa và xé rách mất thông tin. Do đó nó vẫn có giá trị pháp lý và giá trị trên thực tế ( BL 185 )*.

+ Tại **Thông báo** số 5360/TB-LĐTBXH ngày 21/12/2018 của Bộ lao động thương binh và xã hội về “kết luận hội nghị tổng kết chương trình phối hợp thanh tra việc xác nhận hồ sơ thương binh” tại điểm 2 mục II đã nêu: *“ Nếu đối tượng bổ sung được giấy tờ gốc có ghi bị thương nhưng các thông tin không trùng khớp với hồ sơ xác lập*

*ban đầu thì Bộ chỉ huy quân sự các tỉnh, thành phố xem xét, thẩm định nếu có đủ điều kiện thì hướng dẫn lập hồ sơ mới theo quy định hiện hành” (BL 67).*

Tại văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 Sở lao động thương binh và xã hội trả lời đơn của ông Đỗ Trọng N không được xem xét khôi phục chế độ do đã có kết luận thanh tra của Bộ lao động thương binh và xã hội, nếu ông bổ sung được hồ sơ, tài liệu gốc, có tính pháp lý thì lập hồ sơ mới (BL 92, 93).

- Tại Công văn số 335/PCT-BCS ngày 15/02/2019 của Phòng chính trị - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh P nêu: “ *...phòng chính trị đề nghị ông liên hệ với Sư đoàn 324, Quân khu 4 xin sao danh sách quân nhân bị thương hiện tại đơn vị đang lưu trữ, sau đó đề nghị xác lập lại hồ sơ thương binh mới theo quy định hiện hành...* ” (BL 95).

\* Tại phiên tòa hôm nay, ông N không đồng ý làm thủ tục, chế độ mới cho ông từ đầu mà đề nghị làm đúng chế độ cho ông theo quy định của nhà nước. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chiến tranh đã qua đi nhiều năm nhưng vẫn để lại hậu quả rất nặng nề, Đảng, nhà nước có nhiều chính sách để góp phần xoa dịu nỗi đau, mất mát, khó khăn cho người có công, các đối tượng chính sách. Mỗi cán bộ, Đảng viên phải nêu cao tinh thần trách nhiệm với công việc, đảm bảo quyền lợi cho nhân dân được quy định rõ tại Điều 6 Pháp lệnh người có công: “*...Phải chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công....Chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và người thân nhân của người có công với cách mạng phải được xác định.....*” do đó **không phải là khai man, không phải là giả mạo** nên cần được xem xét vì lịch sử để lại, không thể do nhầm lẫn, sai sót mà không xem xét hoặc xem xét lại từ đầu cũng làm mất đi quyền lợi chính đáng của người có công. Trường hợp của ông N *giấy tờ gốc trùng khớp với hồ sơ xác lập ban đầu, vị trí các vết thương đều trùng khớp, mảnh kim khí vẫn còn trên cơ thể ông N* vì vậy ý kiến không chấp nhận của người bị kiện cũng như quan điểm không chấp nhận đơn khởi kiện của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P là chưa phù hợp, mà cần chấp nhận đơn khởi kiện của của ông Đỗ Trọng N, buộc Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh P phải tiếp tục chi trả chế độ thương binh cho ông N từ ngày 01/7/2012 là phù hợp.

[3] Tại Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC “Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ” ngày 07/4/2017 đã hướng dẫn: “*... trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ Tộc vào quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện*” do đó cần hủy Quyết định số 11/QĐ-LĐTBXH ngày 27/6/2012 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh P đã ban hành về việc tạm dừng chế độ trợ cấp và các quyền lợi ưu đãi thương binh đối với ông Đỗ Trọng N và hủy văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 Sở lao động thương binh và xã

hội tỉnh P về việc giải quyết đơn ông Đỗ Trọng N vì làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông là phù hợp.

[4] Về án phí: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì người bị kiện phải chịu án phí là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Điều a Khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

\* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trọng N.

+ Hủy Quyết định số 11/QĐ-LĐTBXH ngày 27/6/2012 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh P đã ban hành về việc tạm dừng chế độ trợ cấp và các quyền lợi ưu đãi thương binh đối với ông Đỗ Trọng N.

+ Hủy văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh P về việc giải quyết đơn của ông Đỗ Trọng N.

+ Buộc Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh P phục hồi chế độ trợ cấp và các quyền lợi ưu đãi thương binh đối với ông Đỗ Trọng N từ ngày 01/7/2012 theo quy định của pháp luật.

+ **Án phí:** Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh P phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

+ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người khởi kiện có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

+ Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- THA tỉnh P;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trường Sơn**

